

Bản án số: 04/2025/DS-PT

Ngày 02 -01- 2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, bà Nguyễn Thị My My

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 338/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 do Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2024/QĐ - PT ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1964; địa chỉ: BP, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thế H, sinh năm 1993; địa chỉ: CL, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Xuân Anh P – Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV T3, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: I P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị đơn: Ông Phan T1, sinh năm 1977 và bà Hà Thị Mộng T2, sinh năm 1983; địa chỉ: B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị P1, sinh năm 1973; địa chỉ: B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2011, ông Trần Hữu T có nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn Đ thừa đất và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 50; tờ bản đồ số 8; diện tích: 594,5m², số cấp GCN số: CH-04989; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay. Thửa đất có tứ cận giáp ranh như sau: Đông giáp đường đi; Tây giáp suối; Nam giáp đất ông Phan T1; Bắc giáp nhà dân;

Quá trình sử dụng đất đến nay ông T không biết diện tích đất của mình bị lấn chiếm. Sau khi, đo đạc lại quyền sử dụng đất của mình để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết hộ ông Phan T1 thuộc thửa đất 165; tờ bản đồ số 8; địa chỉ: BN, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk lấn chiếm 30m² diện tích đất của thửa đất số 50, tờ bản đồ số 08, thuộc quyền sử dụng của ông T. Phần diện tích bị tranh chấp có tứ cận cụ thể như sau: Đông giáp nhà ông T; Tây giáp Suối; Nam giáp nhà ông Phan T1; Bắc giáp nhà ông T;

Nhận thấy, phần diện tích quyền sử dụng đất của ông T được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất bị hộ ông Phan T1 lấn chiếm là vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngày 14/7/2022 ông T đã gửi đơn tới UBND phường T để yêu cầu giải quyết tranh chấp nêu trên. Qua 02 lần hòa giải không thành tại cơ sở, nên ông T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phan T1 phải trả lại phần diện tích khoảng 30m², sau khi có kết quả đo đạc thực tế, ông T xác định yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan T1, bà Hà Thị Mộng T2 phải trả lại cho ông phần diện tích đất lấn chiếm là 28,2m² thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 08, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Cụ thể: Đoạn 1: 9,1m²; đoạn 2: 19,1m².

Quan điểm của ông T: Vì công trình đã xây dựng ổn định từ trước nên đối với quyền sử dụng đất thuộc đoạn 1 là 9,1m² yêu cầu ông T1, bà T2 phải trả bằng giá trị theo giá thị trường cho ông T; đối với phần đất đoạn 2 là 19,1m² yêu cầu ông T, bà T2 phải hoàn trả bằng quyền sử dụng đất cho ông T;

Đối với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đối với tài sản, ông T nhất trí, không có ý kiến gì khác.

Quá trình giam gia tố tụng, bị đơn trình bày:

Năm 2012, vợ chồng ông là Phan T1, Hà Thị Mộng T2 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất thuộc thửa đất 165, tờ bản đồ 8, diện tích 308m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vì thời gian đã lâu nên ông không nhớ cụ thể mua của ai, giá tiền bao nhiêu, tuy nhiên gia đình ông đã giao tiền, nhận nhà, đất và quản lý, sử dụng từ năm 2012 đến nay. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất từ năm 2012, đã đăng ký biến động đứng tên bà Hà Thị

Mộng T2. Gia đình ông mua nhà đã xây dựng sẵn, hiện trạng các hộ liền kề đều xây dựng nhà ở ổn định, không có ai xây dựng thêm gì. Gia đình ông Trần Hữu T đã mua nhà và sử dụng ổn định từ năm 2011, hiện trạng cũng không có thay đổi gì. Gia đình ông mua nhà và đến ở từ năm 2012, sử dụng ổn định, ông T cũng không có tranh chấp gì. Về phần cuối lô đất, năm 2018 ông có rào lưới B40 lại, tuy nhiên khi rào lại ông có kêu ông T ra để thống nhất và ông T đồng ý, không có ý kiến gì nên ông mới rào lại.

Đến nay ông Trần Hữu T cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất của gia đình ông T và yêu cầu phải trả lại diện tích đất 30m² tại phường T, thành phố B thì quan điểm của ông: Ông hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, vì ông mua nhà đến ở sau ông T, ở ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp gì. Hiện gia đình ông vẫn đang quản lý, sử dụng diện tích đất đúng với diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ 2012 đến nay, không có xê dịch hay tranh chấp gì với ai.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị P1 trình bày có nội dung:

Bà P1 là vợ của ông Trần Hữu T. Vào năm 2011, ông Trần Hữu T có nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn Đ thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 50; tờ bản đồ số 8; diện tích: 594,5m², số cấp GCN số: CH-04989; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay. Thửa đất có tứ cận giáp ranh như sau: Đông giáp đường đi; Tây giáp suối; Nam giáp đất ông Phan T1; Bắc giáp nhà dân;

Quá trình sử dụng đất đến nay bà và ông T không biết diện tích đất của mình bị lấn chiếm. Sau khi, đo đạc lại quyền sử dụng đất của mình để làm thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết hộ ông Phan T1 thuộc thửa đất 165; tờ bản đồ số 8; địa chỉ: B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk lấn chiếm 30m² diện tích đất của thửa đất số 50, tờ bản đồ số 08, thuộc quyền sử dụng của ông T. Phần diện tích bị tranh chấp có tứ cận cụ thể như sau: Đông Giáp nhà ông T; Tây giáp Suối; Nam giáp nhà ông Phan T1; Bắc giáp nhà ông T. Nhận thấy, phần diện tích quyền sử dụng đất của vợ chồng bà được nhà nước công nhận quyền sử dụng bị hộ ông Phan T1 lấn chiếm là vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngày 14/7/2022 ông T đã gửi đơn tới UBND phường T để yêu cầu giải quyết tranh chấp nêu trên. Qua 02 lần hòa giải không thành tại cơ sở, nên ông T đã làm đơn khởi kiện để trình tới Quý Tòa giải quyết theo thẩm quyền.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết, buộc ông Phan T1 và bà T2 phải trả lại

phần diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà là 28,2m² thì bà hoàn toàn đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 211/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 166; Điều 170 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2014;

Điều 163; Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T đối với bị đơn ông Phan T1 và bà Hà Thị Mộng T2 về việc yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm là 28,2m² thuộc thửa đất số 565, tờ bản đồ 21, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2024 ông Trần Hữu T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm đồng thời tháo dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thông qua kết quả đo đạc và xem xét thẩm định thì gia đình ông T1 lấn chiếm đất của ông T diện tích 28,2m² cụ thể: Đoạn 1: 9,1m²; đoạn 2: 19,1m². Bản án sơ thẩm nhận định ranh giới sử dụng giữa hai bên là ranh giới cứng, thực tế bị đơn đang thiếu đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn cũng không có hành vi phá dỡ ranh giới và lấn chiếm đất của nguyên đơn là không đúng. Bởi lẽ, phần đất của ông T1 bị thiếu phần phía sau giáp suối không ảnh hưởng gì đến ông T, ông T1 có hành vi phá dỡ hàng rào lưới B40 để rào lại điều này đã được ông T1 thừa nhận trong bản tự khai, khi tháo dỡ hàng rào lưới B40 ông T1 lấn sang đất của T ở đoạn 2 có diện tích 19,1m². Đối với ông T có lấn sang đất của ông T1 thì ông T1 không có đơn kiện phản tố, nếu có thì giải quyết trong vụ án

khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T1 phải trả tiền chi phí tố tụng cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của ông Trần Hữu T là không có cơ sở và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông T làm trong hạn luật định, ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Thửa đất số 50, tờ bản đồ 8, diện tích 594.5m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 398868 ngày 20/01/2010 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ. Ngày 29/02/2011 đăng ký biến động sang tên ông Trần Hữu T. Ông T quản lý, sử dụng ổn định từ năm 2011, không có tranh chấp gì với ai.

Thửa đất số 165, tờ bản đồ 8, diện tích 308m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 398867 ngày 20/01/2010 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ. Đăng ký biến động sang tên bà Hà Thị Mộng T2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 967606 ngày 15/8/2012. Ông Phan T1 và bà Hà Thị Mộng T2 quản lý, sử dụng ổn định từ năm 2012, không có tranh chấp gì với ai.

Nguyên đơn ông Trần Hữu T cho rằng quá trình sử dụng đất đến nay ông T không biết diện tích đất của mình bị lấn chiếm. Năm 2022, sau khi đo đạc lại quyền sử dụng đất của mình để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất thì ông mới được biết hộ ông Phan T1 lấn chiếm đất của ông, do đó ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết, buộc ông Phan T1 và bà Hà Thị Mộng T2 phải trả lại cho ông phần diện tích đất lấn chiếm là $28,2\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 08, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Cụ thể: Đoạn 1: $9,1\text{m}^2$; đoạn 2: $19,1\text{m}^2$;

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn ông Trần Hữu T và bị đơn ông Phan T1 đều xác định năm 2011 nguyên đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 50, tờ bản đồ số 58, diện tích $594,5\text{m}^2$ của hộ ông Vũ Văn Đ, trên đất đã có nhà xây dựng sẵn. Năm 2012 bị đơn ông Phan T1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 8, diện tích 308m^2 của hộ ông Vũ Văn Đ, trên đất đã có nhà xây dựng sẵn. Quá trình sử dụng nhà và đất nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên hiện trạng xây dựng và ranh giới quyền sử dụng đất, các bên đều không xây dựng gì thêm, đều ở ổn định và không có tranh chấp gì với nhau từ năm 2011.

Qua xác minh tại địa phương, xác định lời trình bày của các bên về nguồn gốc sử dụng đất và thời điểm nhận chuyển nhượng nhà và đất là đúng. Khi nhận chuyển nhượng thì trên các thửa đất của nguyên đơn, bị đơn đã có nhà xây dựng kiên cố, nguyên đơn, bị đơn quản lý, sử dụng ổn định không có tranh chấp gì từ khi chuyển nhượng và chính nguyên đơn cũng không biết diện tích đất của mình bị lấn chiếm và thừa nhận các bên sử dụng không thay đổi về ranh giới, cho đến năm 2022 khi nguyên đơn đo đạc lại quyền sử dụng đất của mình để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết được hộ ông Phan T1 lấn chiếm đất của mình.

Theo bảng trích đo hiện trạng thửa đất của công ty TNHH Đ1 thì hộ ông Phan T1 hiện nay đang quản lý, sử dụng 296m^2 so với diện tích đất được công nhận quyền sử dụng đất là 308m^2 . Theo sơ đồ lồng ghép tham khảo của công ty TNHH Đ1 thể hiện phần đất hộ ông T đang quản lý, sử dụng (Phần mặt tiền đường N) lấn sang phần đất hộ ông T1 $0,2\text{m} \times 2,8\text{m}$ và $1,7\text{m} \times 6,9\text{m}$; phần đất hộ ông T1 quản lý, sử dụng lấn sang đất hộ ông T có diện tích $9,1\text{m}^2 + 19,1\text{m}^2$. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Trên phần diện tích đất tranh chấp có tài sản là tường xây nhà cấp 4, móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, sơn nước, mái lợp tôn, nền lát gạch ceramic; tường rào xây, móng xây gạch, rào lưới B40, khung sắt.

Xét thấy, mặc dù sau khi đo đạc lại phần diện tích đương sự đang quản lý, sử dụng thực tế và lồng ghép bản đồ thể hiện có sự xê dịch, tuy nhiên ranh giới sử dụng đất giữa nguyên đơn, bị đơn từ khi chuyển nhượng đến nay là không thay đổi, tài sản trên đất đã được xây dựng và quản lý, sử dụng ổn định, không có

tranh chấp gì từ năm 2011. Thực tế bị đơn đang thiếu đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bị đơn cũng không có hành vi phá dỡ ranh giới và lấn chiếm đất của nguyên đơn; nguyên đơn, bị đơn đều sử dụng đúng quyền sử dụng đất mà mình đã nhận chuyển nhượng; do đó nguyên đơn cho rằng bị đơn có hành vi lấn chiếm đất và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả lại diện tích lấn chiếm là 28,2m² là không có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông Trần Hữu T là không có cơ sở để chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông T là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Hữu T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu T – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 166; Điều 170 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2014;

Điều 163; Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T đối với bị đơn ông Phan T1 và bà Hà Thị Mộng T2 về việc yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm là 28,2m² thuộc thửa đất số 565, tờ bản đồ 21, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về chi xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản:

Nguyên đơn ông Trần Hữu T phải chịu toàn bộ chi phí đo vẽ kỹ thuật thửa đất là 4.279.000đ và 4.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nguyên đơn đã nộp và đã chi phí xong.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Hữu T phải chịu 2.820.000 đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001723 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; nguyên đơn ông Trần Hữu T còn phải nộp 320.000đ (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Hữu T.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS Tp. B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng